|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **BẢNG PHÂN BỔ CHỈ TIÊU CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  *(Ban hành theo Kế hoạch số: /KH-ATTP, ngày tháng năm 2023 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Stt** |  **Đơn vịNội dung** | **Chỉ tiêu** | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CC AT VSTP** | **TP Vị Thanh** | **TP Ngã Bảy** | **Vị Thủy** | **H Long Mỹ** | **TX Long Mỹ** | **Phụng Hiệp** | **Châu Thành** | **Châu Thành A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Số lượt kiểm tra các cơ sở sản xuất thực phẩm (lượt) | 10 | 5 | 4 | 4 | 5 | 5 | 5 | 3 | 3 | **44** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Số lượt kiểm tra các cơ sở kinh doanh thực phẩm (lượt) | 10 | 16 | 16 | 16 | 10 | 14 | 16 | 14 | 16 | **128** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Số lượt kiểm tra các cơ sở dịch vụ ăn uống, căn tin, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố (lượt) | 10 | 220 | 120 | 170 | 130 | 130 | 226 | 166 | 170 | **1.322** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Số lấy mẫu thực phẩm do Đoàn kiểm tra liên ngành, chuyên ngành gửi kiểm nghiệm (mẫu) | 20 | - | - | - | - | - | - | - | - | **20** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Số lấy mẫu giám sát mối nguy gây ô nhiễm thực phẩm theo chuyên đề và thường xuyên gửi kiểm nghiệm (mẫu) | 120 | - | - | - | - | - | - | - | - | **120** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Số chỉ tiêu lấy mẫu giám sát mối nguy gây ô nhiễm thực phẩm thường xuyên đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, TĂĐP (Test nhanh thực phẩm) (chỉ tiêu) | 100 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | - | **170** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Triển khai các văn bản pháp luật và quy phạm kỹ thuật về ATTP cho cán bộ làm quản lý ATTP cho tuyến huyện, xã, CTV (lớp). | 8 | - | - | - | - | - | - | - | - | **8** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận /100.000 dân | < 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Tỷ lệ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn quản lý có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định | ≥ 50% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |